TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HNGĐ - ST
Ngày 31-8-2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Ông Quách Hà Vính

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 31/8/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 75/2017/TLST- HNGĐ ngày 26/4/2017 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị H, sinh năm: 1995
Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hoá.
2. *Bị đơn*: Anh Cao Xuân H, sinh năm: 1990
Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên toà có mặt chị H vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2017, trong bản tự khai ngày 03/5/2017 cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị H trình bày: Chị và anh Cao Xuân H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/5/2013 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, nên luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng luôn cãi cọ, xúc phạm nhau. Chính vì vậy mà chị đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 3/2017 cho đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Cao Yến N, sinh ngày 13/7/2012 và Cao Xuân D, sinh ngày 18/01/2017. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi cháu mỗi tháng 600.000đ, cả hai

cháu là 1.200.000đ/tháng, thời gian từ tháng 4/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.Tại phiên tòa chị H yêu cầu anh Hùng cấp dưỡng nuôi con từ tháng 8/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Cao Xuân H để làm bản tự khai nhưng anh H không có mặt nên không có lời khai của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Anh Cao Xuân H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh H đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh H đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng anh H vẫn không có mặt nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh H.

HĐXX nhận thấy:

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Cao Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 21/5/2013 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, nên luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng luôn cãi cọ, xúc phạm nhau. Chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 3/2017 cho đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn anh H.

[3] Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Cao Yến N, sinh ngày 13/7/2012 và Cao Xuân D, sinh ngày 18/01/2017. Ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cả hai con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị, xét thấy các cháu từ khi bố mẹ ly thân vẫn ở với mẹ, mặt khác các cháu đang còn nhỏ, cháu N là con gái, cháu D mới bảy tháng tuổi nên đều rất cần sự chăm sóc của người mẹ, nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng mỗi cháu 600.000đ, cả hai cháu là 1.200.000đ/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Chị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị H và anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Cao Xuân H.

2.Về con cái: Giao hai con chung là Cao Yến N, sinh ngày 13/7/2012 và Cao Xuân D, sinh ngày 18/01/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu mỗi tháng 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thỡ hàng thỏng anh H cũn phải chịu thờm khoản tiền lói theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2013/ 04133 ngày 26/4/2017, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Cao Xuân H phải nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh H. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
- Các đương sự
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cúc